

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 7.5.2022**

---

**Ở TẬN TRỜI CAO MÀ NHƯ ÉCH NGỒI ĐÁY GIỀNG**  
**Kinh Một Phạm Thiên Khác**  
**(Aññatarabrahmasuttam)**

**CHƯƠNG VI. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN – PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 144)**

*Ở cảnh giới cao người ta thường tự thị, chính vì thế, hoá ra nông cạn. Với thọ mạng rất dài và năng lực thiền định, các vị phạm thiên rất dễ sanh cái nhìn thường kiến và sự tối thắng của bản thân đặc biệt là các vị Đại Phạm thiên. Người chấp ngã luôn luôn có cái nhìn rất thấp và phiến diện cho dù bản thân người đó ở địa vị cao trọng nào. Bài kinh cũng mang một gợi ý khác là khi một người thật sự nhận ra giá trị vô thượng của Phật, Pháp, Tăng sẽ giảm thiểu ngã chấp, nhờ vậy, tinh tiến trên đường tu tập.*



**Kinh Văn**

**Sāvattṇinidānaṃ. Tena kho pana samayena aññatarassa brahmuno evarūpaṃ pāpakaṃ diṭṭhigataṃ uppannaṃ hoti – “natthi so samaṇo vā brāhmaṇo vā yo idha āgaccheyyā”ti. Atha kho bhagavā tassa brahmuno cetasā cetoparivittakkamaññāya – seyyathāpi nāma balavā puriso...pe... tasmim̐ brahmaloke pāturahosi. Atha kho bhagavā tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātum samāpajjitvā.**

**Atha kho āyasmato mahāmoggallānassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”ti? Addasā kho āyasmā mahāmoggallāno [mahāmoggallāno (ka.)] bhagavantaṃ dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisinnaṃ tejodhātum samāpannaṃ. Disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – jetavane antarahito tasmim̐ brahmaloke pāturahosi. Atha kho āyasmā mahāmoggallāno puratthimaṃ disaṃ nissāya [upanissāya (sī.)] tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātum samāpajjitvā nīcataraṃ bhagavato.**

Tại Sāvatti.

Bấy giờ, có một Phạm thiên khởi lên chấp kiến sai lạc: "Không một Sa môn hay Bà la môn nào có thể đến đây".

Rồi Đức Thế Tôn, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Phạm thiên ấy. Nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay Ngài biến mất ở Jetavana (Kỳ Viên) và hiện ra ở Phạm thiên giới. Đức Thế Tôn ngồi kiết già giữa hư không, phía trên đầu Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang ở đâu?". Với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Tôn giả Mahāmoggallāna thấy Đức Thế Tôn ngồi kiết già giữa hư không, phía trên đầu Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định. Thấy vậy, ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi kiết già giữa hư không phía dưới Thế Tôn về hướng đông trên đầu vị Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định.

**Atha kho āyasmato mahākassapassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”ti? Addasā kho āyasmā mahākassapo bhagavantam dibbena cakkhunā...pe... disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso...pe... evameva – jetavane antarahito tasmim brahmaloke pāturahosi. Atha kho āyasmā mahākassapo dakkhiṇam disam nissāya tassa brahmuno upari vehāsam pallaṅkena nisīdi tejodhātum samāpajjitvā nīcataram bhagavato.**

Rồi Tôn giả Mahākassapa khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang ở đâu?". Với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Tôn giả Mahākassapa thấy Đức Thế Tôn ngồi kiết già giữa hư không, phía trên đầu Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định. Thấy vậy, ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay. Rồi Tôn giả Mahākassapa ngồi kiết già giữa hư không phía dưới Thế Tôn về hướng nam trên đầu vị Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định.

**Atha kho āyasmato mahākappinassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”ti? Addasā kho āyasmā mahākappino bhagavantam dibbena cakkhunā...pe... tejodhātum samāpannam. Disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso...pe... evameva – jetavane antarahito tasmim brahmaloke pāturahosi. Atha kho āyasmā mahākappino pacchimam disam nissāya tassa brahmuno upari vehāsam pallaṅkena nisīdi tejodhātum samāpajjitvā nīcataram bhagavato.**

Rồi Tôn giả Mahākappina khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang ở đâu?". Với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Tôn giả Mahākappina thấy Đức Thế Tôn ngồi kiết già giữa hư không, phía trên đầu Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định.. Thấy vậy, ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay. Rồi Tôn giả Mahākappina ngồi kiết già giữa hư không phía dưới Thế Tôn về hướng tây trên đầu vị Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định.

**Atha kho āyasmato anuruddhassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”ti? Addasā kho āyasmā anuruddho...pe... tejodhātuṃ samāpannaṃ. Disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso... pe... tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Atha kho āyasmā anuruddho uttaraṃ disaṃ nissāya tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātuṃ samāpajjitvā nīcataraṃ bhagavato.**

Rồi Tôn giả Anuruddha khởi lên ý nghĩ: "Nay Thế Tôn đang ở đâu?". Với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, Tôn giả Anuruddha thấy Đức Thế Tôn ngồi kiết già giữa hư không, phía trên đầu Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định. Thấy vậy, ngài biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay. Rồi Tôn giả Anuruddha ngồi kiết già giữa hư không phía dưới Thế Tôn về hướng bắc trên đầu vị Phạm thiên ấy và nhập hoả tam muội định.

**Atha kho āyasmā mahāmoggallāno taṃ brahmānaṃ gāthāya ajjhabhāsi –**

**“Ajjāpi te āvuso sā diṭṭhi, yā te diṭṭhi pure ahu;  
Passasi vītivattantaṃ, brahmaloke pabhassara”nti.**

**“Na me mārisa sā diṭṭhi, yā me diṭṭhi pure ahu;  
Passāmi vītivattantaṃ, brahmaloke pabhassaraṃ;  
Svāhaṃ ajja kathaṃ vajjaṃ, ahaṃ niccomhi sassato”ti.**

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nói Phạm thiên ấy bằng kệ ngôn:

Hôm nay, hỡi Hiền giả  
Còn chấp kiến như trước?  
Có thấy hào quang toả  
Vượt xa phạm thiên giới?

(Phạm thiên ấy)

Thưa Ngài, tôi không còn  
Chấp kiến như lúc trước  
Tôi đã thấy hào quang  
Vượt xa phạm thiên giới  
Làm sao mang định kiến  
Về cái tôi hằng hữu?

**Atha kho bhagavā taṃ brahmānaṃ saṃvejetvā – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – tasmim̐ brahmaloke antarahito jetavane pāturahosi. Atha kho so brahmā aññataraṃ brahmapārisajjaṃ āmantesi – “ehi tvamaṃ, mārisa, yenāyasmā mahāmoggaḷāno tenupasaṅkama; upasaṅkamtivā āyasmantaṃ mahāmoggaḷānaṃ evamaṃ vadehi – ‘atthi nu kho, mārisa moggaḷāna, aññepi tassa bhagavato sāvakaṃ evamaṃmahiddhikā evamaṃmahānubhāvā; seyyathāpi bhavaṃ moggaḷāno kassapo kappino anuruddho’”ti? “Evaṃ, mārisā”ti kho so brahmapārisajjo tassa brahmuno paṭissutvā yenāyasmā mahāmoggaḷāno tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā āyasmantaṃ mahāmoggaḷānaṃ etadavoca – “atthi nu kho, mārisa moggaḷāna, aññepi tassa bhagavato sāvakaṃ evamaṃmahiddhikā evamaṃmahānubhāvā; seyyathāpi bhavaṃ moggaḷāno kassapo kappino anuruddho’”ti? Atha kho āyasmā mahāmoggaḷāno taṃ brahmapārisajjaṃ gāthāya ajjhabhāsī –**

**“Tevijjā iddhipattā ca, cetopariyāyakovidā;  
Khīṇāsavā arahanto, bahū buddhassa sāvaka’”ti.**

Rồi Thế Tôn sau khi làm cho Phạm thiên ấy rung động tâm tư, biến mất ở Phạm thiên giới ấy và hiện ra ở Jetavana nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay.

Rồi Phạm thiên ấy nói với một Phạm thiên trong thiên chúng:

-- Này Tôn giả, hãy đi đến Tôn giả Mahāmoggaḷāna và bạch hỏi: "Thưa Tôn giả Moggaḷāna, Đức Thế Tôn còn có những vị đệ tử nào khác mà thần lực và uy đức như các Tôn giả Moggaḷāna, Kassapa, Kappina và Anuruddha?"

-- Thưa vâng, Tôn giả.

Phạm thiên trong thiên chúng vâng đáp Phạm thiên ấy và đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna bạch hỏi rằng: "Thưa Tôn giả Moggallāna, Đức Thế Tôn còn có những vị đệ tử nào khác mà thần lực và uy đức như các Tôn giả Moggallāna, Kassapa, Kappina và Anuruddha?"

(Tôn giả Mahāmoggallāna trả lời)

Rất nhiều đệ tử Phật  
Bạc La Hán vô lậu  
Vớ thần lực tam minh  
Khéo đọc tâm người khác

**Atha kho so brahmapārisajjo āyasmato mahāmoggallānassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā yena so brahmā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā taṃ brahmānaṃ etadavoca – “āyasmā mārīsa, mahāmoggallāno evamāha –**

**“Tevijjā iddhipattā ca, cetopariyāyakovidā;  
Khīṇāsavā arahanto, bahū buddhassa sāvakā”ti.**

Rồi Phạm thiên ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahāmoggallāna đi đến Đại Phạm thiên thưa rằng:

-- Thưa Tôn giả, Tôn giả Mahāmoggallāna cho biết:

Rất nhiều đệ tử Phật  
Bạc La Hán vô lậu  
Vớ thần lực tam minh  
Khéo đọc tâm người khác.

**Idamavoca so brahmapārisajjo. Attamano ca so brahmā tassa brahmapārisajjassa bhāsitaṃ abhinandīti.**

Phạm thiên ấy nói như vậy, vị Đại Phạm thiên kia hoan hỷ tín thọ.



**“Ajjāpi te āvuso sā diṭṭhi yā te diṭṭhi pure ahu**  
= hôm nay Người có còn kiên chấp trước kia?

**Passasi vītivattantaṃ brahmaloke pabhassara’’nti**  
= có thấy hào quang toả sáng vượt xa phạm thiên giới?

“**Na me mārisa sā diṭṭhi yā me diṭṭhi pure ahu**  
= tôi không còn kiến chấp ngày trước

**Passāmi vītivattantaṃ brahmaloke pabhassaraṃ**  
= tôi có thấy hào quang toả sáng vượt xa phạm thiên giới

**Svāhaṃ ajja kathaṃ vajjaṃ ahaṃ niccomhi sassato’’ti**

= hôm nay làm thế nào để tôi tiếp tục cho rằng: cái tôi là thường hằng bất biến

--

“**Tevijjā iddhipattā ca** = chứng thần lực tam minh

**cetopariyāyakovidā** = đọc tâm của người khác

**Khīṇāsavā arahanto** = bậc a la hán vô lậu

**bahū buddhassa sāvaka’’ti** = có nhiều đệ tử của Đức Phật (như vậy)



**Thích nghĩa**

*Nhập hoả tam muội định ở đây là nhập vào thiên án lửa sau đó xuất thiên và khởi niệm: lửa từ châu thân phun ra.*

*Theo Sớ giải thì bấy giờ hào quang của Đức Phật sáng hơn tất cả những ánh sáng tại phạm thiên giới.*

*Theo Sớ giải thì vị Đại Phạm thiên có hai cái nhìn sai lầm: một là cho rằng không có một sa môn hay bà la môn nào có thể để cõi phạm thiên ấy hay là chấp vào thường kiến. Khi Đức Phật và các đệ tử xuất hiện thì sự chấp sai đầu tiên không còn và sau đó Đức Phật đã giảng pháp và vị Đại phạm thiên chứng quả nhập lưu.*

*Tam minh là ba thứ tuệ giác ưu việt: tức mạng minh, sanh tử minh và lậu tận minh. Một vị chứng tam minh luôn có lực thông trong lúc một vị chứng lục thông không hẳn có đủ tam minh.*

**Tỳ khưu Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình**

## 5. Aññatarabrahmasuttam [Mūla]

176. Sāvattthinidānaṃ. Tena kho pana samayena aññatarassa brahmuno evarūpaṃ pāpakaṃ diṭṭhigataṃ uppannaṃ hoti – “natthi so samaṇo vā brāhmaṇo vā yo idha āgaccheyyā”’ti. Atha kho bhagavā tassa brahmuno cetasā cetoparivittakamaññāya – seyyathāpi nāma balavā puriso...pe... tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Atha kho bhagavā tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātuṃ samāpajjitvā. Atha kho āyasmato mahāmoggallānassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”’ti? Addasā kho āyasmā mahāmoggallāno [mahāmoggallāno (ka.)] bhagavantam̐ dibbena cakkhunā visuddhena atikkantamānusakena tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisinnam̐ tejodhātuṃ samāpannam̐. Disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso samīñjitaṃ vā bāham̐ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāham̐ samīñjeyya evameva – jetavane antarahito tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Atha kho āyasmā mahāmoggallāno puratthimam̐ disam̐ nissāya [upanissāya (sī.)] tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātuṃ samāpajjitvā nīcataram̐ bhagavato.

Atha kho āyasmato mahākassapassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”’ti? Addasā kho āyasmā mahākassapo bhagavantam̐ dibbena cakkhunā...pe... disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso...pe... evameva – jetavane antarahito tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Atha kho āyasmā mahākassapo dakkhiṇam̐ disam̐ nissāya tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātuṃ samāpajjitvā nīcataram̐ bhagavato.

Atha kho āyasmato mahākappinassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”’ti? Addasā kho āyasmā mahākappino bhagavantam̐ dibbena cakkhunā...pe... tejodhātuṃ samāpannam̐. Disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso...pe... evameva – jetavane antarahito tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Atha kho āyasmā mahākappino pacchimam̐ disam̐ nissāya tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātuṃ samāpajjitvā nīcataram̐ bhagavato.

Atha kho āyasmato anuruddhassa etadahosi – “kahaṃ nu kho bhagavā etarahi viharatī”’ti? Addasā kho āyasmā anuruddho...pe... tejodhātuṃ samāpannam̐. Disvāna – seyyathāpi nāma balavā puriso... pe... tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Atha kho āyasmā anuruddho uttaram̐ disam̐ nissāya tassa brahmuno upari vehāsaṃ pallaṅkena nisīdi tejodhātuṃ samāpajjitvā nīcataram̐ bhagavato.

Atha kho āyasmā mahāmoggallāno taṃ brahmānaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Ajjāpi te āvuso sā diṭṭhi, yā te diṭṭhi pure ahu;  
Passasi vītivattantaṃ, brahmaloke pabhassara”nti.

“Na me mārisa sā diṭṭhi, yā me diṭṭhi pure ahu;  
Passāmi vītivattantaṃ, brahmaloke pabhassaraṃ;  
Svāhaṃ ajja kathaṃ vajjaṃ, ahaṃ niccomhi sassato”ti.

Atha kho bhagavā taṃ brahmānaṃ saṃvejetvā – seyyathāpi nāma balavā puriso samīñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samīñjeyya evameva – tasmīṃ brahmaloke antarahito jetavane pāturahosi. Atha kho so brahmā aññataraṃ brahmapārisajjaṃ āmantesi – “ehi tvaṃ, mārisa, yenāyasmā mahāmoggallāno tenupasaṅkama; upasaṅkamtivā āyasmantaṃ mahāmoggallānaṃ evaṃ vadehi – ‘atthi nu kho, mārisa moggallāna, aññepi tassa bhagavato sāvakā evaṃmahiddhikā evaṃmahānubhāvā; seyyathāpi bhavaṃ moggallāno kassapo kappino anuruddho”’ti? “Evaṃ, mārisā”ti kho so brahmapārisajjo tassa brahmuno paṭissutvā yenāyasmā mahāmoggallāno tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā āyasmantaṃ mahāmoggallānaṃ etadavoca – “atthi nu kho, mārisa moggallāna, aññepi tassa bhagavato sāvakā evaṃmahiddhikā evaṃmahānubhāvā; seyyathāpi bhavaṃ moggallāno kassapo kappino anuruddho”’ti? Atha kho āyasmā mahāmoggallāno taṃ brahmapārisajjaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

“Tevijjā iddhipattā ca, cetopariyāyakovidā;  
Khīṇāsavā arahanto, bahū buddhassa sāvakā”ti.

Atha kho so brahmapārisajjo āyasmato mahāmoggallānassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā yena so brahmā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā taṃ brahmānaṃ etadavoca – “āyasmā mārisa, mahāmoggallāno evamāha –

“Tevijjā iddhipattā ca, cetopariyāyakovidā;  
Khīṇāsavā arahanto, bahū buddhassa sāvakā”ti.

Idamavoca so brahmapārisajjo. Attamano ca so brahmā tassa brahmapārisajjassa bhāsitaṃ abhinandīti.



## 5. Aññatarabrahmasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

176. Pañcame **tejodhātuṃ samāpajjitvāti** tejokasiṇaparikkammaṃ katvā pādakajjhānato vuṭṭhāya, “**sarīrato jālā nikkhamantū**”ti adhiṭṭhahanto adhiṭṭhānacittānubhāvena sakalasarīrato jālā nikkhamanti, evaṃ tejodhātuṃ samāpanno nāma hoti, tathā samāpajjitvā. **Tasmiṃ brahmaloketi** kasmā thero tattha agamāsi? Therassa kira tejodhātuṃ samāpajjitvā tassa brahmuno upari nisinnaṃ tathāgatam disvā “aṭṭhivedhī ayaṃ puggalo, mayāpettha gantabba”nti ahosi, tasmā agamāsi. Sesānaṃ gamanepi eseva nayo. So hi brahmā tathāgatassa ceva tathāgatasāvakaṇaṅca ānubhāvaṃ adisvā abhabbo vinayaṃ upagantaṃ, tena so sannipāto ahosi. Tattha tathāgatassa sarīrato uggatajālā sakalabrahmalokaṃ atikkamitvā ajaṭākāse pakkhanda, tā ca pana chabbaṇṇā ahesuṃ, tathāgatassa sāvakaṇaṃ ābhā pakativāṇṇāva.

**Passasi vītivattantanti imasmiṃ brahmaloke aññabrahmasarīravimānālaṅkāradīnaṃ pabhā atikkamamaṇaṃ buddhassa bhagavato pabhassaraṃ pabhaṃ passasīti pucchati. Na me, mārisa, sā diṭṭhīti yā mesā,** “idhāgantaṃ samattho añño samaṇo vā brāhmaṇo vā natthī”ti pure diṭṭhi, natthi me sā. **Kathaṃ vajjanti** kena kāraṇena vadeyyaṃ. **Nicomhi sassatoti** imassa kira brahmuno laddhiditṭhi sassataditṭhi cāti dve diṭṭhiyo. Tatrāssa tathāgataṅceva tathāgatasāvake ca passato laddhiditṭhi pahīnā. Bhagavā panettha mahantaṃ dhammadesanaṃ desesi. Brahmā desanāpariyosāne sotāpattiphale patitṭhahi. Itissa maggena sassataditṭhi pahīnā, tasmā evamāha.

**Brahmapārisajjanti** brahmapāricārikaṃ. Therānañhi bhaṇḍagāhakadahaṛā viya brahmānampi pārisajjā brahmāno nāma honti. **Tenupasaṅkamāti** kasmā therasseva santikaṃ pesesi? There kirassa tattakeneva kathāsallāpena vissāso udapādi, tasmā tasseva santikaṃ pesesi **aññepīti** yathā tumhe cattāro janā, kinnu kho evarūpā aññepi atthi, udāhu tumhe cattāro eva mahiddhikāti? **Tevijjāti** pubbenivāsadibbacakkhuāsavakkhayasaṅkhātāhi tīhi vijjāhi samannāgatā. **Iddhipattāti** iddhididhaññaṃ pattā. **Cetopariyāyakovidāti** paresaṃ cittācāre kusalā. Evamettha pañca abhiññāpi sarūpena vuttā. Dibbasotaṃ pana tāsāṃ vasena āgatameva hoti. **Bahūti** evarūpā chaḷabhiññā buddhasāvaka bahū gaṇanapathaṃ atikkantā, sakalaṃ jambudīpaṃ kāsāvapajjotaṃ katvā vicarantīti. Pañcamaṃ.